

QUỸ ETF SSIAM VNX50**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 163/2019/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2019

Ha Noi, 18 April 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI****ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 17/04/2019
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Components securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	1.800	4,2%
2	BMP	60	0,2%
3	BVH	110	0,8%
4	CII	290	0,5%
5	CTD	60	0,6%
6	CTG	590	1,0%
7	DHG	50	0,4%
8	DPM	250	0,4%
9	DXG	410	0,7%
10	EIB	1.570	2,1%
11	FLC	910	0,4%
12	FPT	730	2,7%
13	GAS	150	1,2%
14	GMD	400	0,8%
15	HBC	230	0,3%
16	HCM	130	0,3%
17	HDB	1.100	2,4%



18	HPG	2.030	5,0%
19	HSG	400	0,3%
20	KBC	560	0,6%
21	KDC	200	0,3%
22	MBB	1.890	3,2%
23	MSN	830	5,7%
24	MWG	440	2,8%
25	NKG	170	0,1%
26	NLG	200	0,4%
27	NVL	510	2,2%
28	PDR	170	0,4%
29	PLX	180	0,9%
30	PNJ	210	1,6%
31	PVD	300	0,5%
32	PVS	300	0,5%
33	REE	270	0,7%
34	ROS	270	0,7%
35	SAB	150	2,9%
36	SBT	420	0,6%
37	SHB	1.600	0,9%
38	SSI	470	1,0%
39	STB	2.740	2,6%
40	VCB	570	3,0%
41	VCG	100	0,2%
42	VCI	170	0,5%
43	VCS	100	0,5%
44	VGC	300	0,5%
45	VHM	1.340	9,5%
46	VIC	1.170	10,3%
47	VJC	420	3,7%
48	VNM	900	9,5%
49	VPB	2.750	4,1%
50	VRE	1.660	4,4%
II	Tiền/Cash	14.184.052 VND	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and one lot of ETF in value:*

- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Basket in value* 1.272.845.300 VND
- + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* 1.287.029.352 VND
- + Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* 14.184.052 VND
- + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Plan to reduce the spread*
- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/*With creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	91.300	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
2	SSI	26.750	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
3	VCB	67.400	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
4	ACB	30.000	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	CTG	21.550	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	FPT	47.900	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	GMD	26.000	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MBB	21.500	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>



Handwritten signature or mark.

9	MWG	81.700	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
10	NLG	28.600	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
11	PNJ	98.700	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	REE	31.650	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	VCG	26.200	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
14	VPB	19.150	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (17/04/2019)	Kỳ trước/Last Period (16/04/2019)	Chênh lệch/ Change
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding shares	9.700.000	9.700.000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	12.800	12.800	0
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
<i>của quỹ ETF/ of the Fund</i>	<i>124.841.847.160</i>	<i>125.697.875.205</i>	<i>-856.028.045</i>
<i>của 1 lô CCQ ETF/ per Creation Unit</i>	<i>1.287.029.352</i>	<i>1.295.854.383</i>	<i>-8.825.031</i>
<i>của 1 CCQ/ per Share</i>	<i>12.870,29</i>	<i>12.958,54</i>	<i>-88,25</i>
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1.453,55	1.462,44	-8,89

